

Số: 825 /2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 16 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 983/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”. Đối với người yêu cầu:

- Chị Phạm Thị T - sinh năm 1987

- Anh Vũ Đức N– sinh năm 1983

Cùng ĐKKHKT và chỗ ở: Số 28 ngách 22/19 N, phường T, quận H, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Chị Phạm Thị T và Anh Vũ Đức N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2010 tại UBND phường T, quận H, thành phố H. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai anh chị.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng bình thường đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm tiếng nói chung. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện để tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị T và Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cùng làm đơn thuận tình ly hôn, đồng thời thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của anh chị được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Phạm Thị T và anh Vũ Đức Nguyên

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị T và Anh N có một con chung Vũ Anh K– sinh ngày 23/8/2011. Anh, chị thoả thuận giao con chung Vũ Anh K cho Anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2022 cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyền định thay đổi khác.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Chị T đã nộp theo biên lai số 0050962 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Chị T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, quận H, H (ĐKKH số 04 ngày 11/01/2010);
- Chi cục THA dân sự quận H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng

### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hồng T**

